

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 211 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VĂN BẢN ĐẾN
Số: 14033
Ngày 29 tháng 7 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 09 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 – 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 109/Tr-SNN&PTNT ngày 11/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ đơn giá của phụ lục kèm theo Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành lập kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn đến năm 2020 và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện đúng tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Cục Chăn nuôi (báo cáo);
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở: NN&PTNT, TC;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: CVP, P.KTTH, KTN & TH;
- Lưu: P.HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lâm Quang Thi



PHỤ LỤC

Đơn giá hỗ trợ năng suất hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Tinh heo	Liều	80.000	Theo Quyết định số 859/QĐ-UBND
2	Tinh bò thịt			
2.1	Tinh Brahman	Liều	28.000	
2.2	Tinh Angus	Liều	49.000	
2.3	Tinh Droughtmaster	Liều	30.000	
3	Tinh bò sữa	Liều	21.000	
4	Tinh trâu	Liều	30.000	
5	Dụng cụ hỗ trợ gieo tinh nhân tạo trâu, bò			
5.1	Dẫn tinh quản	Cái	1.800	
5.2	Găng tay 5 ngón	Cái	2.000	
5.3	Ni tơ lỏng	Lít	25.000	
6	Heo đực giống			Đính kèm công văn số 1356/STC-HCSN ngày 03/6/2016 của Sở Tài chính.
6.1	Heo đực hậu bị (30 kg đầu)	kg	120.000	Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/con.
6.2	Heo đực hậu bị (từ kg thứ 31 trở đi)	kg	50.000	
7	Bò đực giống			
7.1	Bò đực giống Brahman, Droughtmaster (200 - 350kg/con)	kg	135.000	Hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/con.
7.2	Bò đực giống lai Zebu (200 - 350kg/con)	kg	130.000	
8	Trâu đực giống (trọng lượng tối thiểu từ 200 - 350kg/con)	kg	130.000	Hỗ trợ không quá 25.000.000 đồng/con.
9	Gà giống bố mẹ			
9.1	Gà Lương Phượng bố mẹ 01 ngày tuổi	con	19.000	Hỗ trợ không quá 50.000 đồng/con
9.2	Gà BT2 bố mẹ 01 ngày tuổi	con	22.000	
9.3	Thức ăn hỗn hợp đến 08 tuần tuổi			
-	Gà hướng thịt (đạm từ 18 - 21%, 2,2kg/con)	con	22.000	
-	Gà hướng trứng (đạm từ 18 - 21%, 1,8kg/con)	con	18.000	
10	Vịt giống bố mẹ			
10.1	Vịt siêu thịt bố mẹ 01 ngày tuổi	con	34.000	Hỗ trợ không quá 50.000 đồng/con
10.2	Vịt siêu nạc bố mẹ 01 ngày tuổi	con	42.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
10.3	Vịt chuyên trứng bố mẹ	con	25.000	
10.4	Thức ăn hỗn hợp đến 08 tuần tuổi			
-	Vịt hướng trứng (đạm từ 18 – 20%, 3,5kg/con)	con	35.000	
-	Vịt hướng thịt (đạm từ 20 – 22%, 6kg/con)	con	60.000	
11	Đệm lót sinh học			
11.1	Đôi với gia súc	m ²	160.000	Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/hộ.
11.2	Đôi với gia cầm	m ²	80.000	
12	Biogas			
12.1	Biogas Composite đường kính 1,9m	cái	9.240.000	Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/hộ.
12.2	Biogas Composite đường kính 2,2m	cái	11.990.000	
12.3	Biogas Composite đường kính 2,45m	cái	14.190.000	
12.4	Biogas KT2 thể tích ≥ 6m ³	cái	9.957.600	
13	Chi phí đào tạo dẫn tinh viên			
13.1	Gieo tinh nhân tạo heo	Người	6.000.000	Hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng/người.
13.2	Gieo tinh nhân tạo bò	Người	6.000.000	
14	Bình chứa ni tơ lỏng loại 3 lít (bình Trung Quốc)	bình	5.800.000	Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/bình/người.